TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-PT
Ngày 14/01/2021
"*V/v Chia tài sản sau ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông;

Các Thẩm phán: Ông Lê Quốc Hương;

Ông K'Tiêng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2020/TLPT-HN&GĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về *"Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 18/2020/HNGĐ-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị H – Có mặt.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, Đắk Nông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đơn: Bà Nguyễn Thị Lan P – là Luật sư - Văn phòng luật sư K, thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội – Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn N - Có mặt.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Vũ Thị L; địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

+ Bà Vũ Thị T; bà Lê Thị C; ông Vũ Văn H – Đều vắng mặt;
Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lăk.
+ Chị Nguyễn Thị Hồng L1, anh Nguyễn Thái Â – Đều vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lăk.

+ Anh Lý Thái N1, chị Trần Thị Thái A – Đều vắng mặt;
Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Người được bà Vũ Thị T, bà Lê Thị C, ông Vũ Văn H, chị Nguyễn Thị Hồng L1, anh Nguyễn Thái Â, Lý Thái N1, chị Trần Thị Thái A ủy quyền: Bà Vũ Thị L – Có mặt.

+ Ông Lê Khắc Đ; địa chỉ: Số 284/30 đường V, phường K, thành phố B, Đắk Lăk – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Bùi Văn N và bà Võ Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2017 của chị Đào Thị H và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Chị Đào Thị H và anh Bùi Văn N kết hôn với nhau vào năm 2000. Đến ngày 09/6/2017, được Tòa án nhân dân huyện Krông Nô giải quyết ly hôn theo bản án số 04/2017/HNGĐ-ST. Thời điểm giải quyết ly hôn anh chị chỉ yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn và con chung, còn tài sản chung anh chị tự chia theo biên bản thoả T chia tài sản chung, nợ chung lập ngày 19/4/2017 đến ngày 04/5/2017 chứng thực tại Uỷ ban nhân dân xã Đăk DRô, huyện K. Tuy nhiên, sau khi thỏa T, chị H đi làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất nhưng anh N không chịu ký giấy tờ để chị H làm thủ tục sang tên. Vì vậy, chị H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của chị H và anh N tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân, gồm có những tài sản sau:

1. Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 43, diện tích 1.410m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 943327, đứng tên anh Bùi Văn N, chị Đào Thị H, đất tọa lạc tại: thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

2. Thửa đất số 118, tờ bản đồ số 42, diện tích 991m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 331960, đứng tên anh Bùi Văn N, chị Đào Thị H, đất tọa lạc tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

3. Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 42, diện tích 3.418m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 331990, đứng tên anh Bùi Văn N, chị Đào Thị H, đất tọa lạc tại: thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

4. Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 43, diện tích 11.887m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 124385, đứng tên anh Bùi Văn N, chị Đào Thị H, đất tọa lạc tại: thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

5. Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.948m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 331945, đứng tên anh Lê Khắc Đ, chị Cao Thị T, đất tọa lạc tại: thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

01 căn nhà xây diện tích 200m^2 nằm trên hai thửa đất số 119 và 118 tờ bản đồ số 42 tại: thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H có nguyện vọng xin được nhận 02 thửa đất số 31, tờ bản đồ số 43, diện tích 1.410 m^2 và thửa đất số 38, tờ bản đồ số 43, diện tích 11.887m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất. Các thửa đất còn lại và toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất trong đó có căn nhà xây diện tích khoảng 200m^2 giao cho anh N được quyền sở hữu và sử dụng.

Riêng đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 42, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 331945, diện tích 1.948m^2 và tài sản gắn liền với đất, đứng tên anh Lê Khắc Đ, chị Cao Thị Tiến thì chị H có đơn xin rút không yêu cầu Toà án giải quyết đối với thửa đất này.

Về nợ chung: Chị H và anh N không có nợ chung nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung đã được Toà án nhân dân huyện K giải quyết như chị H trình bày là đúng. Tuy nhiên, anh N chỉ thừa nhận tài sản chung gồm có thửa đất số 118, tờ bản đồ số 42, diện tích 991m^2; thửa đất số 119, tờ bản đồ số 42, diện tích 3.418m^2 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.948m^2, anh N đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

Đối với 02 thửa đất số 31, tờ bản đồ số 43, diện tích 1.410 m^2 và thửa đất số 38, tờ bản đồ số 43, diện tích 11.887m^2 có nguồn gốc là do bà Vũ Thị L (mẹ anh N) đưa tiền cho anh N mua đất, bà chỉ cho mượn để anh N và chị H làm ăn, nay anh chị đã ly hôn thì bà L yêu cầu anh chị phải trả lại 02 thửa đất này cho bà.

Đối với 01 căn nhà diện tích 200m^2 nằm trên hai thửa đất số 119 và 118 nguồn Tiền làm nhà do anh N tự vay để làm, trong thời gian chị H bỏ nhà đi nên đây không phải là tài sản chung, nếu chị H yêu cầu chia nhà thì phải có nghĩa vụ trả nợ chung gồm các khoản nợ sau:

Nợ bà Vũ Thị L 100.000.000 đồng; nợ bà Lê Thị C 200.000.000 đồng; nợ anh Lý Thái N1, chị Trần Thị Thái A 100.000.000 đồng; nợ bà Vũ Thị T 250.000.000 đồng; nợ chị Vũ Hồng L1, anh Nguyễn Thái Â 200.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị L trình bày:

Anh N, chị H (là con trai và con dâu của bà). Năm 2001, khi anh N và chị H ra ở riêng thì bà có đưa cho anh N số tiền 12.000.000 đồng để mua 02 thửa đất số 31, tờ bản đồ số 43, diện tích 1.410 m^2 và thửa đất số 38, tờ bản đồ số 43, diện tích 11.887m^2 đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh N, chị H. Nay anh N, chị H đã ly hôn bà yêu cầu anh N, chị H phải trả lại 02 thửa đất này cho bà.

Ngoài ra vào ngày 25/12/2014, bà có cho anh Bùi Văn N vay 100.000.000 đồng để làm nhà, anh N thỏa T sau 05 năm sẽ trả. Nay bà yêu cầu anh N, chị H phải trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị C và ông Vũ Văn H trình bày: Ông là cậu ruột của anh N. Vào ngày 08/12/2014, ông bà có cho anh Bùi Văn

N vay 200.000.000 đồng để xây nhà, anh N thỏa T sau 03 năm, tức là ngày 08/12/2017 sẽ trả, không tính lãi suất. Nay ông C, bà H yêu cầu anh N, chị H phải có nghĩa vụ trả cho ông bà số tiền 200.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Thái N1 trình bày: Vào ngày 29/11/2014, anh có cho anh Bùi Văn N vay 100.000.000 đồng, mục đích cho vay là để xây nhà. Anh N thỏa T đến ngày 25/11/2016 sẽ trả, nhưng đến này vẫn chưa trả. Nay anh yêu cầu anh N, chị H phải có nghĩa vụ trả cho anh số tiền 100.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị T trình bày: Vào ngày 25/12/2014, anh Bùi Văn N có vay của bà số tiền 250.000.000 đồng để xây nhà, anh N thỏa T đến ngày 25/12/2016 sẽ trả, nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay bà T yêu cầu anh N, chị H phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 250.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Hồng L1 và anh Nguyễn Thái Â trình bày: Vào ngày 10/12/2014, anh Bùi Văn N có vay của chị 200.000.000 đồng để xây nhà, anh N thỏa T sau 03 năm sẽ trả, nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay anh chị yêu cầu anh N, chị H phải có nghĩa vụ trả cho anh chị số tiền 200.000.000 đồng.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị H trình bày: Vào các năm từ năm 2013 đến năm 2015 anh N, chị H nhiều lần bán cho bà Hồng tiêu, cà phê, điều. Khi bán có lần thì anh N nhận tiền, có lần thì chị H nhận tiền. Thời gian đã lâu sổ sách không còn nên bà Hồng không nhớ chính xác là đã mua số lượng cà phê, tiêu, điều của anh N, chị H là bao nhiêu. Bà H thừa nhận vào ngày 16/9/201, bà H có xác nhận về việc bà có mua cà phê, tiêu, điều của anh N, chị H.

Ngày 27/7/2020, Tòa án nhân dân huyện K ban hành Công văn số 291/CV-TA, về việc đưa Ủy ban nhân dân huyện K tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên UBND huyện K không có yêu cầu độc lập và từ chối tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện K đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị H.

Giao cho chị Đào Thị Thị H được quản lý và sử dụng các tài sản sau:

Thửa đất số 05, tờ bản đồ số 42 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 38, tờ bản đồ số 43), và toàn bộ tài sản, vật kiến trúc gắn liền với đất. Có giá trị là 1. 058.593.214 đồng.

Thửa đất số 04, tờ bản đồ 42 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 31, tờ bản đồ số 43), và toàn bộ tài sản, vật kiến trúc gắn liền với đất. Có giá trị là: 95.367.222 đồng. Tổng giá trị tài sản mà chị H được nhận là 1.153.960.436 đồng.

Giao cho anh Bùi Văn N được quản lý và sử dụng các tài sản sau:

Thửa đất số 01, tờ bản đồ 42 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 118 tờ bản đồ số 42), và toàn bộ cây trồng trên đất. Có giá trị là: 93.958.767 đồng.

Thửa đất số 02, tờ bản đồ 42 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 119 tờ bản đồ số 42), và toàn bộ cây trồng trên đất. Có giá là: 318.847.224 đồng.

Toàn bộ công trình xây dựng, vật kiến trúc trên đất tại thửa đất số 118, 119 có giá: 860.618.500 đồng. Tổng giá trị tài sản mà anh N được nhận là 1.273.424.491 đồng.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị H đối với yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 42, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 331945, diện tích 1.948m^2 và tài sản gắn liền với đất, đứng tên Lê Khắc Đ, Cao Thị Tiến, đất tọa lạc tại: thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

3. Buộc anh Bùi Văn N phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Vũ Thị L số tiền 100.000.000 đồng, bà Lê Thị C và ông Vũ Văn H với số tiền 200.000.000 đồng; Anh Lý Thái N1, chị Trần Thị Thái A số tiền 100.000.000 đồng; Bà Vũ Thị T số tiền là 250.000.000 đồng; Chị Vũ Thị Hồng L1, anh Nguyễn Thái Â số tiền là 200.000.000 đồng.

4. Bác yêu cầu độc của bà Vũ Thị L về việc yêu cầu Tòa án buộc chị H, anh N phải trả lại tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 43, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 124385, diện tích 11.887m^2 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 43 với diện tích 1.410 m^2 (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/10/2020, anh Bùi Văn N và bà Vũ Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm. Anh Bùi Văn N đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chia đôi tài sản chung và nợ chung; Bà Vũ Thị L kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của bà và yêu cầu độc lập của những người bà đại diện theo ủy quyền, buộc anh N, chị H trả lại 02 thửa đất số 31, tờ bản đồ số 43, diện tích 1.410 m^2 và thửa đất số 38, tờ bản đồ số 43, diện tích 11.887m^2 đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh N, chị H. Trả cho bà Lê Thị C, ông Vũ Văn H 200.000.000 đồng; Anh Lý Thái N1, chị Trần Thị Thái A 100.000.000 đồng; Bà Vũ Thị T 250.000.000 đồng; Chị Vũ Thị Hồng L1, anh Nguyễn Thái Â 200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, N1 đơn vẫn giữ N1 yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ N1 yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo nội dung kháng cáo của anh N và bà L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng các khoản nợ anh N vay chị H hoàn toàn không biết, khi vay chị H không có mặt và không ký vào các

giấy vay tiền, sau khi vay anh N cũng không giao lại tiền cho chị H quản lý hoặc chi dùng vào việc xây dựng nhà. Nguồn tiền xây nhà là do anh chị tích góp trong quá trình sản xuất thu hoạch cà phê, tiêu, điều và bán một thửa đất được hơn 500.000.000đ. Do đó, các khoản nợ mà anh N yêu cầu không phải là nợ chung của vợ chồng, nên anh N phải có nghĩa vụ trả nợ riêng.

Đối với yêu cầu của bà L là không có căn cứ, bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh bà giao tiền cho anh N nhờ mua đất rẫy để sau này hưởng tuổi già. Hiện nay thửa đất số 31, tờ bản đồ số 43, diện tích 1.410 m^2 và thửa đất số 38, tờ bản đồ số 43, diện tích 11.887m^2 đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh N, chị H là tài sản chung của vợ chồng, không có căn cứ xác định tài sản riêng của bà L. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh N và bà L, giữ N1 bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Toà án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo anh Bùi Văn N và bà Vũ Thị L, hủy bản án sơ thẩm số 18/2020/HNGĐ-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đăk Nông. Chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của anh Bùi Văn N và bà Vũ Thị L, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Bùi Văn N làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

Về đơn kháng cáo của bà Vũ Thị L: Bà Vũ Thị L tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Bà Vũ Thị T, vợ chồng bà Lê Thị C ông Vũ Văn H, ông Lý Thái N1, vợ chồng anh Nguyễn Thái Â và chị Nguyễn Hồng L1. Tại đơn kháng cáo của bà Vũ Thị L (Bl số 315) bà L kháng cáo với tư cách là cá nhân bà, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên kháng cáo. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa làm rõ bà L có kháng cáo cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà bà là người đại diện như theo đơn kháng cáo bà thể hiện không? trường hợp xác định được bà là đại diện cho những người này kháng cáo thì cấp sơ thẩm cần phải xác định người kháng cáo là những người đã ủy quyền và cho nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm với tất cả những người ủy quyền chứ không phải chỉ nộp 300.000 đồng. Tại phiên tòa

phúc thẩm bà L khẳng định bà kháng cáo cho những người bà nhận đại diện theo ủy quyền.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ngày 09/6/2017, Tòa án nhân dân huyện K đã ban hành bản án số 04/2017/HNGĐ-ST về việc giải quyết cho ly hôn giữa anh N và chị H. Về tài sản chung và nợ chung anh chị đã tự thoả T chia thể hiện tại Biên bản thoả T chia tài sản chung, nợ chung lập ngày 19/4/2017, có xác nhận của Toà án nhân dân huyện K ngày 19/4/2017 và chứng thực của Uỷ ban nhân dân xã Đăk DRô, huyện K vào ngày 04/5/2017 (BL 36).

Theo Biên bản thỏa T này thì chị H được nhận thửa đất số 38, tờ bản đồ số 42, anh N được nhận các thửa đất gồm thửa số 119, 118, 44, 31 tờ bản đồ số 42 và căn nhà nằm trên thửa đất số 118, 119 tờ bản đồ số 42. Anh N, chị H mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tìn, chi nhánh Đăk Nông 100.000.000 đồng cùng lãi phát sinh khi đến hạn của hợp đồng. Ngoài ra, anh N còn phải trả số tiền nợ 1.250.000.000 đồng.

Xét thấy, nội dung thỏa T tại biên bản thỏa T phân chia tài sản nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật và có giá trị pháp lý. Thực tế việc thỏa T này đã được hai bên thực hiện một phần, anh N đã giao đất cho chị H sử dụng và canh tác từ đó đến nay. Tuy nhiên, quá trình chị H đi làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất thì anh N không ký giấy tờ để chị H làm thủ tục sang tên. Vì vậy, chị H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật. Tòa án đã thụ lý vụ án và chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản của chị H, nhưng không tuyên bố Biên bản thỏa T chia tài sản chung, nợ chung lập ngày 19/4/2017 bị vô hiệu là giải quyết không triệt để vụ án, bởi vì sau khi tòa án xét xử chia tài sản chung bằng một bản án, thì vẫn còn tồn tại biên bản thỏa T phân chia tài sản, mà nội dung biên bản thoả T này không phù hợp với quyết định của bản án. (Hồ sơ vụ án không thể hiện có biên bản làm việc để giải thích cho N1 đơn về yêu cầu khởi kiện liên quan đến văn bản thỏa T phân chia tài sản).

[2.2]. Theo đơn khởi kiện, chị H cho rằng có nợ Ngân hàng TMCP S chi nhánh Đắk Nông số tiền 200.000.000 nhưng theo biên bản thỏa T phân chia tài sản chung thì mỗi người có trách nhiệm trả 100.000.000 đồng, phần chị H thì chị đã trả, nên chị không còn nợ chung với anh N. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 02/01/2019 (Bl 50 - 51) anh N cho rằng có nợ Ngân hàng TMCP S chi nhánh Đắk Nông số tiền 200.000.000 đồng như chị H trình bày, anh N cũng chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng yêu cầu chị H phải có trách nhiệm trả số tiền này. Toà án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh tại Ngân hàng TMCP S chi nhánh Đắk Nông để xác định anh N, chị H còn nợ khoản tiền nào của Ngân hàng nữa không, nếu còn nợ thì phải đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

[2.3]. Qúa trình giải quyết vụ án, các bên đương sự không cung cấp được giá tài sản và cũng không thoả T được giá tài sản đang tranh chấp thì có quyền thoả

T lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản để xác định theo giá thị trường tại thời điểm giải quyết sơ thẩm vụ án, theo quy định tại khoản 5 Điều 7 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Cấp sơ thẩm căn cứ vào đơn yêu cầu định giá tài sản để thành lập Hội đồng định giá tài sản theo mức giá do Uỷ ban nhân dân tỉnh Đăk Nông quy đinh là chưa phù hợp.

[2.4]. Cấp sơ thẩm căn cứ vào lời trình bày và xác nhận của bà Tào Thị Á, bà Nguyễn Thị H, ông Vũ Minh H là những người cho rằng có thu mua nông sản của chị H, anh N từ năm 2013 và lời trình bày của ông Nông Thế T, là người nhận chuyển nhượng một lô đất rẫy của anh N, chị H. Từ đó cho rằng nguồn thu từ năm 2013 đến năm 2016 của chị H, anh N có khoảng 1.534.789.000 đồng và việc xây nhà là từ nguồn thu nêu trên chứ không phải số tiền anh N đi vay là chưa có cơ sở vững chắc. Bởi lẽ, lời khai của những người này có sự mâu thuẩn với lời khai của anh N nhưng không được đối chất làm rõ. Mặt khác, Tại phiên tòa mở ngày 22/7/2020, chị H mới cung cấp cho Hội đồng xét xử các tài liệu, chứng cứ là các giấy xác nhận nêu trên và sau khi tạm ngừng phiên tòa, Toà án đã thu thập thêm các tài liệu chứng cứ khác nhưng cũng không tiến hành công khai các tài liệu chứng cứ này cho các bên đương sự là chưa đảm bảo quyền được tiếp cận, công khai chứng cứ của đương sự, quy định tại tại điểm b khoản 2 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.5]. Tại phiên toà phúc thẩm, chị H và anh N thừa nhận sau khi ra ở riêng bà L có cho 4,3 sào rẫy ở xã N, sau đó anh chị bán để mua rẫy ở huyện K, do đó khi phân chia tài sản cần phải căn cứ vào công sức đóng góp của mỗi bên đồng thời phải bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên theo quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân gia đình. Hơn nữa, cháu Bùi Phương N1 trên 18 tuổi nhưng cấp sơ thẩm chưa tiến hành xác minh, lấy lời khai cháu Nam để xác định cháu có công sức đóng góp vào khối tài sản chung hay không để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu N1 theo quy định tại Điều 212 Bộ luật dân sự.

[2.6]. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm không nhận định và quyết định có chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Không thu thập chứng cứ bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp đối với giấy vay tiền giữa anh N với chị Vũ Thị Hồng L1, anh Nguyễn Thái Â và Anh Lý Thái N1, chị Trần Thị Thái A là vi phạm khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Do cấp sơ thẩm có những vi phạm và thiếu sót nêu trên, tại cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được, nên cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Bùi Văn N, bà Vũ Thị L và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Đối với quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của N1 đơn tại phiên toà là không có căn cứ. Huỷ bản án sơ thẩm số: 18/2020/HNGĐ-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện K, chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện K giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên anh Bùi Văn N và bà Vũ Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh Bùi Văn N và bà Vũ Thị L mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Bùi Văn N và bà Vũ Thị L. Huỷ bản án sơ thẩm số: 18/2020/HNGĐ-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Krông Nô giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho bà Vũ Thị L và anh Bùi Văn N mỗi người 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0003906 và số 0003907 ngày 12/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Phạm Thị Thông